

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 3- 2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con và nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Dương Tiền

2. Ông Đỗ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hoài N, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Ngô Thị B, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 19-10- 2015; sau khi cưới chị H về sống chung bên chồng đến tháng 02 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác chị yêu cầu chính

quyền giải quyết anh N từ bỏ nhưng không lo cho vợ, con mà sang Campuchia đánh bài, nên vợ chồng ly thân nhau từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn; về con chung cháu Phạm Diễm U, sinh ngày 07-9-2016 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; tài sản chung không yêu cầu giải quyết; về nợ, trong thời gian chung sống vợ chồng có vay của bà Ngô Thị B nhiều lần tổng cộng 20.000.000 đồng, với lãi suất 08%/ tháng, đã trả tiền lãi cho bà B đến tháng 8/2017 âm lịch ngưng cho đến nay. Chị H đồng ý trả cho bà B 20.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm; số tiền lãi đã trả cho bà B nếu thừa khấu trừ vào tiền nợ gốc; đây là nợ chung chị H yêu cầu chị và anh N mỗi người trả một nửa.

Bị đơn anh N trình bày: thừa nhận lời trình bày của chị H về ngày tháng năm chung sống, con chung là đúng sự thật; nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị H trình bày là đúng. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý; con chung đồng ý giao chị H tiếp tục nuôi; đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; tài sản chung không yêu cầu giải quyết; nợ chung 20.000.000 đồng, trong đó anh N trực tiếp vay của bà B 03 lần 05 triệu để xin việc làm, sau đó đưa 5.000.000 đồng cho bà L (mẹ anh N) để trả cho bà B, nhưng chưa trả thì chị H lấy lại để trị bệnh cho con; 15 triệu còn lại chị H mượn của bà B để đóng hụi chết, làm vốn mua bán và mua sữa cho con, nay anh đồng trả cho bà B 5.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng chị H trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B trình bày: có anh N vay tiền 03 lần cụ thể: ngày 11-02-2017 âm lịch cho vay 1.000.000 đồng, ngày 16-02-2017 âm lịch cho vay 2.000.000 đồng, ngày 04-3-2017 âm lịch cho vay 2.000.000 đồng; cho chị H vay tiền 03 lần cụ thể: ngày 22-6-2017 âm lịch cho vay 5.000.000 đồng, ngày 25-6-2017 âm lịch cho vay 5.000.000 đồng (bà L mẹ anh N) đến nhận thay và ngày 28-9-2017 âm lịch cho vay 5.000.000 đồng; cho vay không có làm giấy, không thời hạn, lãi suất cho vay 8%/ tháng; chị H đã trả tiền lãi đến hết tháng 8/2017 âm lịch ngưng cho đến nay; chị H hứa trả tiền gốc cách đây khoảng 03 – 04 tháng nhưng không trả. Nay yêu cầu chị H trả tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,125% tháng tính từ ngày 28-9-2017 âm lịch (dương lịch ngày 16-11-2017) đến ngày xét xử sơ thẩm là 825.000 đồng; số tiền lãi chị H đã trả vượt quá 1,125% bà B không đồng ý khấu trừ vào nợ gốc; không yêu cầu anh B trả nợ.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung vụ án: Chị H và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 10 năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G ngày 19-10-2015; vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không lo cho vợ, con mà sang Campuchia đánh bài; anh N thừa nhận lời trình

bày của chị H là đúng; xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh N trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; nay chị H yêu cầu ly hôn anh N đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh N.

Về con chung: cháu Phạm Diễm U, sinh ngày 07-9-2016, tại phiên tòa chị H và anh N thỏa thuận giao cho chị H tiếp tục nuôi; xét thấy phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao chị H tiếp tục nuôi; buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị H và anh N không yêu cầu, đề nghị không giải quyết.

Về nợ chung: tại phiên tòa chị H, anh N thừa nhận có vay của bà B 06 lần tổng cộng 20.000.000 đồng, không thời hạn với lãi suất 8% tháng; tại phiên tòa chị H và bà B xác nhận chị H đã trả tiền lãi cho bà B đến hết tháng 8 năm 2017 âm lịch, chị H hứa trả nợ cho bà B theo cách đây 03 – 04 tháng nhưng không trả. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B; đây là nợ chung nên buộc chị H và anh N phải trả cho bà B tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,125% tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm; đồng thời khấu trừ số tiền lãi mà chị H đã trả cho bà B trước đó.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

[2] Về nội dung: Chị H và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 10 năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện G ngày 19-10-2015 nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp; vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không lo cho vợ, con mà sang Campuchia đánh bài; như vậy có căn cứ cho rằng anh N vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa chị H và anh N thuận tình ly hôn là tự nguyện, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Phạm Diễm U, sinh ngày 07-9-2016, tại phiên tòa chị H và anh N thỏa thuận giao cho chị H tiếp tục nuôi; xét thấy phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giao chị H tiếp tục nuôi; buộc anh N phải có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi; anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: chị H và anh N không có yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: tại phiên tòa chị H và anh N thừa nhận có vay của bà B 06 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, bà B yêu cầu trả là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B và đề nghị của Viện kiểm sát.

Về lãi suất: bà B cho chị H và anh N vay lãi suất 8% tháng, chị H đã trả tiền lãi cho bà B từ ngày vay đến hết tháng 8 năm 2017 âm lịch tổng cộng: 3.840.000 đồng (cụ thể: ngày 11-02-2017 âm lịch x 1.000.000 đồng x 8% x 06 tháng = 480.000 đồng, ngày 16-02-2017 âm lịch x 2.000.000 đồng x 8% x 06 tháng = 960.000 đồng, ngày 04-3-2017 âm lịch x 2.000.000 đồng x 8% x 05 tháng = 800.000 đồng; ngày 22-6-2017 âm lịch (tháng 6 sau) x 5.000.000 đồng x 8% x 02 tháng = 800.000 đồng, ngày 25-6-2017 âm lịch (tháng 6 sau) x 5.000.000 đồng x 8% x 02 tháng = 800.000 đồng).

Theo khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự quy định “*Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố*”; theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9% năm; do đó lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với một tháng là $0,75\% \times 150\% = 1,125\%$ tháng.

Số tiền lãi phải trả cho bà B theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến ngày 06-3-2018 là 1.612.875 đồng cụ thể như sau (ngày 11-02-2017 âm lịch (dương lịch ngày 08-3-2017) x 1.000.000 đồng x 1,125% x 11 tháng 28 ngày = 134.250 đồng, ngày 16-02-2017 âm lịch (dương lịch ngày 13-3-2017) x 2.000.000 đồng x 1,125% x 11 tháng 23 ngày = 264.750 đồng, ngày 04-3-2017 âm lịch (dương lịch ngày 31-3-2017) x 2.000.000 đồng x 1,125% x 11 tháng 06 ngày = 252.000 đồng; ngày 22-6-2017 âm lịch (tháng 6 sau, dương lịch ngày 13-8-2017) x 5.000.000 đồng x 1,125% x 06 tháng 23 ngày = 380.625 đồng, ngày 25-6-2017 âm lịch (tháng 6 sau, dương lịch ngày 16-8-2017) x 5.000.000 đồng x 1,125% x 06 tháng 20 ngày = 375.000 đồng, ngày 28-9-2017 âm lịch (dương lịch ngày 16-11-2017) x 5.000.000 đồng x 1,125% x 03 tháng 20 ngày = 206.250 đồng).

Số tiền lãi chị N trả thừa là 2.227.125 đồng (3.840.000 đồng – 1.612.875 đồng = 2.227.125 đồng); khấu trừ vào tiền nợ gốc còn lại là 17.772.875 đồng.

Đây là tiền nợ chị H và anh N vay của bà B trong thời kỳ hôn nhân, để xin việc, trị bệnh cho con, làm vốn mua bán, đóng tiền hui chết nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình; đây là nợ chung của vợ chồng, cho nên chị H và anh N phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà B, mỗi người $\frac{1}{2}$ là 8.886.437 đồng theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận đề

ng nghị của Viện kiểm sát. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với số tiền 3.052.125 đồng.

[6] Về án phí: chị H phải chịu tiền án phí dân sự về việc ly hôn và tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ; anh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ và tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con; bà B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối một phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận (20.825.000 đồng - 17.772.875 đồng = 3.052.125 đồng) theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 37, 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị H và anh Phạm Hoài N.

2. Về con chung: cháu Phạm Diễm U, sinh ngày 07-9-2016 giao cho chị Võ Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; buộc anh Phạm Hoài N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi đủ 18 tuổi; anh Phạm Hoài N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị H và anh N không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ: buộc chị Võ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị B số tiền: 8.886.437 đồng

Buộc anh Phạm Hoài N phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị B số tiền: 8.886.437 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B đối với số tiền 3.052.125 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí: chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 444.000 đồng tiền án phí dân sự về việc trả nợ; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị H đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0012960 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu; chị H còn phải nộp tiếp 444.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Hoài N phải chịu 444.000 đồng tiền án phí dân sự về việc trả nợ và 300.000 đồng tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Ngô Thị B phải chịu 152.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 522.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013058 ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu; hoàn trả cho bà Ngô Thị B 396.900 đồng tiền tạm ứng án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng

(kèm theo bản án quyết định sửa chữa, bổ sung bản án trang 7)

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do tính toán sai trong bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và nợ chung” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Hiền, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Hoài Nam, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp 6, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Ngô Thị Bông, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp 6, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu như sau:

Tại dòng thứ 4 từ trên xuống, trang 6 của bản án đã ghi “152.600 đồng” và tại dòng thứ 7 từ trên xuống, trang 6 của bản án đã ghi “369.900 đồng”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: tại dòng thứ 4 từ trên xuống, trang 6 của bản án là “300.000 đồng” và tại dòng thứ 7 từ trên xuống, trang 6 của bản án là “222.500 đồng”

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu;
- Các đương sự
- Lưu TAND, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng